

Số: /TTYT-KD
V/v yêu cầu báo giá vật tư trang thiết bị

Lạng Giang, ngày 06 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ danh mục dự trù của Y tế công cộng về việc thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật của vật tư trang thiết bị đề nghị mua sắm bổ sung cho Dự phòng Chương trình kiểm tra công tác y tế trường học và môi trường lao động năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang;

Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang có nhu cầu cấp thiết sử dụng bổ sung vật tư trang thiết bị, cần tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua sắm vật tư trang thiết bị phục vụ Chương trình kiểm tra công tác y tế trường học và môi trường lao động của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Hà Văn Vỹ
 - Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược, vật tư – TTBYT
 - Số điện thoại: 0919 141 668
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược, vật tư – TTBYT thuộc Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
 - Nhận qua email: Havybvlg.bg@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến 15h ngày 16 tháng 05 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Vật tư trang thiết bị, hóa chất đề nghị báo giá:

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy đo tiếng ồn	Phạm vi đo mức âm thanh: 30 ~ 130dBA. Độ phân giải: 0.1dB. Độ chính xác: $\pm 1,5$ dB (trong điều kiện tham chiếu) Dải tần số: 31,5Hz đến 8,5Hz. tần số trọng số: một trọng số Giữ dữ liệu: Giữ tối đa và tối thiểu. Tỷ lệ lấy mẫu: 2 lần / s.	Chiếc	01
2	Máy đo ánh sáng	Tầm đo: 0 lux – 400,000 lux chia thành 4 tầm đo nhỏ: 400, 4,000, 40,000 và 400,00 lux. Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> ○ $\pm 5\% \pm 10$ digit (<10,000 Lux) ○ $\pm 10\% \pm 10$ digit (>10,000 Lux). Bước nhảy số đo: 0.1 lux. Tốc độ lấy mẫu: 1.5 lần/giây. Giữ số đo (HOLD) trên màn hình: Có. Giá trị lớn nhất (MAX): Có. Giá trị nhỏ nhất (MIN): Có. Báo vượt tầm đo (OL): Có. Đo giá trị đỉnh (PEAK): Có. Đèn màn hình: Có. Kết nối máy tính: qua USB. Tự động tắt: sau 15 phút. Nhiệt độ làm việc: 0°C – +40°C (32°F – 104°F). Độ ẩm môi trường làm việc: 0 – 80%RH. Nguồn điện: pin 9V.	Chiếc	01

3	Máy đo khoảng cách laser (80 mét)	Loại sản phẩm: Máy đo khoảng cách Phạm vi đo: 0,05-80m Độ chính xác: $\pm 1\text{mm} / \pm 0.0394\text{ inch}$ Loại laser: Loại 2 635nm <1mW Lưu trữ: ≥ 20 phép đo Đơn vị: Mét, Feet, Inch Pin: Pin AAA 2 * 1.5V Thời gian sử dụng pin: ≥ 4000 lần đo Đèn báo Buzzer: Có Nhiệt độ bảo quản: -10°C đến 50°C (14F đến 122F) Nhiệt độ làm việc: 0°C đến 40°C (32F đến 104F)	Chiếc	01
4	Máy đo bụi	-Chức năng đo lường: CO ₂ , PM2.5, PM10, nhiệt độ, độ ẩm -Cảm biến CO ₂ : Công nghệ hồng ngoại không phân tán (NDIR) Dải đo: 400 – 9999 ppm Độ chính xác: $\pm 70\text{ ppm} \pm 3\%$ giá trị đọc (400–2000 ppm) Độ phân giải: 1 ppm Thời gian phản hồi: Đạt 90% trong khoảng 2 phút -Cảm biến bụi PM2.5 / PM10: Cảm biến laser Dải đo: 0 – 500 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ Độ chính xác: PM2.5: $\pm 8\ \mu\text{g}$ ($\leq 50\ \mu\text{g}/\text{m}^3$), $\pm 10\%$ giá trị đọc ($> 50\ \mu\text{g}/\text{m}^3$) PM10: $\pm 10\ \mu\text{g}$ ($\leq 50\ \mu\text{g}/\text{m}^3$), $\pm 15\%$ giá trị đọc ($> 50\ \mu\text{g}/\text{m}^3$) Độ phân giải: 1 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ Thời gian phản hồi: <10 giây -Nhiệt độ: Cảm biến: Bandgap Dải đo: -10°C – 50°C Độ chính xác: $\pm 1.0^\circ\text{C}$ -Độ ẩm:	Chiếc	01

	<p>Dải đo: 0 – 99% RH</p> <p>Độ chính xác: $\pm 5\%$ RH</p> <p>Đo thời gian thực 5 thông số cùng lúc</p> <p>Chuyển đổi đơn vị nhiệt độ $^{\circ}\text{C}/^{\circ}\text{F}$</p> <p>Chức năng giữ giá trị tối đa, tối thiểu và trung bình</p> <p>Cảnh báo đèn nền màu đỏ khi vượt ngưỡng CO₂, PM2.5, PM10</p> <p>Ghi dữ liệu tự động và thủ công (tối đa 20 bản ghi)</p> <p>Cài đặt khoảng thời gian ghi: 5 giây đến 60 phút</p> <p>Tự động tắt máy hoặc vô hiệu hóa chức năng này</p> <p>Hiệu chuẩn CO₂, nhiệt độ và độ ẩm</p> <p>Pin: Lithium 3.7V 2000mAh có thể sạc lại</p> <p>Sạc: Cổng micro USB 5V, dòng 1A</p>		
--	--	--	--

3. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao, nghiệm thu tại Kho của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang – Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

+ Sổ lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu phù hợp với trang thiết bị y tế báo giá theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

- + Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá và đường Link tra cứu (nếu có);
- + Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang, chúng tôi.... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các loại hoá chất như sau:

1. Hoá chất xét nghiệm đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1											
2											
Tổng giá trị thành tiền											
Bằng chữ:											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))